

Bản án số: 84/2020/HSST

Ngày 14/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - TP.HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên;

Bà Đào Thị Doan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh B**, sinh 1986 tại Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT: Tập thể X, xã PM, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Phòng K, ngách Z, ngõ F, NS, phường BD, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Ng (c) và bà Lê Thị H; Vợ: Phạm Thị Huyền Tr; Con: 03 con, con lớn nhất sinh 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1971 (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968 (có mặt);

Đều cư trú: Thôn PQ, xã LP, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Chị Trần Thị V A**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số nhà M, tổ N, ngõ F, phường PD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (có mặt).

* *Người làm chứng:* **Anh Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số nhà M, tổ N, ngõ F, phường PD, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, ông Nguyễn Văn H1 và bà Vũ Thị Y có nhu cầu xin việc cho con trai là Nguyễn Văn L. Qua tìm hiểu, bà Y biết chị Trần Thị Vân A có mối quan hệ quen biết với người làm việc tại sân bay Nội Bài có khả năng xin việc cho L nên bà Y nhờ chị Vân A xin việc giúp cho con trai. Sau đó, chị Vân A liên hệ với bạn học là Nguyễn Thanh B đang làm Tổ trưởng tổ phục vụ hành lý và khai thác ULD của Công ty Cổ phần Thanh J(GS) tại Sân bay quốc tế Nội Bài nhờ B xin việc cho anh L, B đồng ý. Hai bên thỏa thuận, B sẽ xin cho anh L vào vị trí “check-in hành khách” của công ty GS với chi phí khoảng 300.000.000đ nhưng sẽ tính theo đô la Mỹ là 12.000 USD. Thỏa thuận với B xong, chị Vân A thông báo cho gia đình bà Y về số tiền xin việc, bà Y đồng ý và nhờ bà Lê Thị Phương L1 đưa cho chị Vân A số tiền 300.000.000đ, chị Vân A nhận tiền và viết giấy nhận tiền với nội dung vay tiền của bà L1 số tiền 300.000.000đ theo yêu cầu của ông H1, bà Y để làm tin, đồng thời Vân A gọi điện thoại xác nhận với bà Y. Sau khi nhận tiền, chị Vân A thỏa thuận cụ thể với B về số tiền xin việc cho anh L vào vị trí “check-in hành khách” là 12.000USD (tỉ giá 23.690 đồng/1USD) quy đổi ra tiền VNĐ là 284.280.000đ, nhưng chị Vân A xin B giảm bớt số tiền, B đồng ý giảm xuống còn 272.400.000đ. B yêu cầu Vân A chuẩn bị hồ sơ xin việc và đưa trước một khoản tiền đặt cọc, khi nào sơ tuyển xong, Công ty hẹn lịch phỏng vấn thì sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Ngày 22/11/2017, chị Vân A đến nhà B ở khu tập thể X, xã PM, huyện Sóc Sơn, Hà Nội để đưa cho B hồ sơ xin việc của anh L và số tiền 80.000.000đ đặt cọc, B viết giấy nhận tiền và hứa hẹn nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Vài ngày sau, ông H1 và anh L đến Sân bay quốc tế Nội Bài gặp

B, B đưa hồ sơ đã nhận từ Vân A cho anh L rồi hướng dẫn anh L tự đi nộp hồ sơ sơ tuyển và hứa hẹn sẽ lo hết các thủ tục, anh L đi thi chắc chắn sẽ đỗ và được tuyển dụng. Khi Công ty GS tiếp nhận hồ sơ, khám sơ tuyển, anh L đạt yêu cầu nên hẹn ngày 20/12/2017 quay lại thi phần thi tiếng Anh. Theo đúng thỏa thuận, ngày 17/12/2017 B đến quán cafe ở số 109, tổ 10, đường Phúc Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội lấy nốt số tiền 192.400.000đ, B viết giấy nhận tiền và tiếp tục hứa hẹn nếu không xin được việc cho anh L trả lại tiền vào ngày 31/12/2017. Tổng số tiền B nhận từ chị Vân A 02 đợt nêu trên là 272.400.000đ. Đối với số tiền 27.600.000đ, chị Vân A đã trả lại cho gia đình bà Y, ông H1. Ngày 20/12/2017, anh L đến công ty GS thi phần Tg Anh nhưng không đạt yêu cầu nên không được tuyển dụng. Khi gia đình ông H1 hỏi lý do anh L thi trượt, B nói do anh L không biết tiếng Anh và yêu cầu anh L phải đi học thêm Tg Anh để dự thi đợt sau nhưng gia đình ông H1 không đồng ý. Sau đó B trực tiếp liên hệ với ông H1 thỏa thuận nộp thêm 44.000.000đ để B lo cho anh L qua phần thi tiếng Anh hoặc sắp xếp một công việc khác tại Công ty, ông H1 đồng ý. Ngày 08/4/2018, ông H1 đã thuê 01 người xe ôm cầm số tiền 44.000.000đ đến đưa cho B tại quán cafe TK coffee, địa chỉ số W, phố AT, phường HT, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. B nhận tiền rồi đến cửa hàng bán quần áo của chị Vân A viết giấy biên nhận tiền. Tổng số tiền B nhận để xin việc cho L là 316.400.000đ. Sau khi nhận tiền, B không sử dụng số tiền đó để xin việc cho anh L mà chi tiêu cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 25/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Đối với số tiền còn lại là 273.400.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông H1, bà Y và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là bà Vũ Thị Y và ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Năm 2017, ông bà nhờ chị Vân A xin việc cho con trai là Nguyễn Văn L vào làm ở vị trí “check-in hành khách” của Công ty cổ phần Thanh J (GS) tại sân bay Nội Bài với giá ban đầu là 272.600.000đ. Toàn bộ việc giao dịch, chuyển tiền xin

việc cho bị cáo đều do chị Vân A thực hiện. Chỉ đến khi, L thi trượt phần thi tiếng Anh, không được tuyển dụng, ông bà đòi lại tiền thì B mới liên hệ trực tiếp với ông bà thỏa thuận nộp thêm 44.000.000đ để bị cáo lo cho L qua phần thi tiếng Anh hoặc xin vào vị trí khác trong công ty GS. Tổng số tiền ông bà đã đưa cho chị Vân A và bị cáo là 316.400.000đ nhưng L vẫn không được tuyển dụng. Sau nhiều lần ông bà đòi tiền, bị cáo đã trả cho chị Vân A 43.000.000đ và ông bà đã nhận lại số tiền này. Nay ông bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông bà số tiền còn thiếu là 273.400.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Vân A trình bày: Chị và B là bạn Đại học với nhau. Năm 2017, chị nhờ B xin việc cho con ông H1, bà Y là Nguyễn Văn L vào làm việc tại Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội, vị trí “check-in hành khách”, B đồng ý và thỏa thuận số tiền xin việc cho L là 272.400.000đ. Ngày 22/11/2017, chị cùng chồng là Nguyễn Đăng T đến nhà B ở khu tập thể X, xã PM, huyện Sóc Sơn, Hà Nội để đưa hồ sơ xin việc của L và số tiền 80.000.000đ đặt cọc. Sau khi L sơ tuyển xong, chị tiếp tục chuyển cho B số tiền 192.400.000đ tại quán cà phê gần cửa hàng bán quần áo của chị. Tổng số tiền chị chuyển cho B là 272.400.000đ và B nhận của ông H1 số tiền 44.000.000đ phát sinh thêm. Đến nay, B đã trả cho chị 43.000.000đ để chị trả cho ông H1, bà Y, chị không yêu cầu gì về dân sự.

Người làm chứng là anh Nguyễn Đăng T trình bày: Vợ anh là Trần Thị Vân A có kể cho anh nghe toàn bộ thỏa thuận giữa Vân A và B về việc xin việc cho anh L vào làm tại sân bay Nội Bài. Khoảng tháng 11/2017, anh đưa vợ anh đến nhà B tại khu tập thể X, xã PM, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội để giao cho B hồ sơ xin việc và 80.000.00đ tiền đặt cọc xin việc cho anh L. Khi đến nơi, Vân A vào đưa hồ sơ và tiền cho B, còn anh ngồi đợi bên ngoài. Những lần giao tiền sau đó, anh không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Xử phạt Nguyễn Thanh B mức án từ 10 đến 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo pH1 bồi thường cho người bị hại số tiền 273.400.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về thẩm quyền: Quá trình điều tra, ban đầu bị cáo xác định số tiền 80.000.000đ được giao nhận tại nhà bị cáo và bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu tập thể X, xã PM, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nhưng sau đó, bị cáo xác định 03 lần nhận tiền đều thực hiện tại quán cafe thuộc quận Bắc Từ Liêm và quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xác định số tiền 80.000.000đ được giao nhận tại nhà bị cáo ở khu tập thể sân bay Nội Bài. Đồng thời, bị cáo còn trực tiếp hẹn gặp và hướng dẫn anh L làm thủ tục nộp hồ sơ tại sân bay quốc tế Nội Bài. Đây là một chuỗi các hành vi mà bị cáo đã thực hiện, trong đó có hành vi nhận tiền và hành vi hướng dẫn nộp hồ sơ xảy ra trên địa bàn huyện Sóc Sơn. Vì vậy Cơ quan điều tra, công an huyện Sóc Sơn khởi tố, điều tra là đúng thẩm quyền.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thanh B không có chức năng tuyển dụng, xin việc vào làm tại Công ty CP phục vụ mặt đất Hà Nội ở Sân bay quốc tế Nội Bài nhưng B đã có hành vi gian dối, hứa hẹn với Trần Thị Vân A và ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị Y xin việc cho anh Nguyễn Văn L (con trai ông H1, bà Y) vào làm việc tại Công ty GS với số tiền là 316.400.000đ. Sau khi nhận tiền B không sử dụng vào mục đích xin việc mà chi tiêu cá nhân dẫn đến không còn khả năng trả lại tiền cho ông H1, bà Y. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 316.400.000đ. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự

Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Nguyễn Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người khác chiếm đoạt số tiền lớn để chi tiêu cá nhân thể hiện ý thức coi thường pháp. Vì vậy cần áp dụng hình nghiêm khắc là hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với người phạm tội. Nhưng xét thấy, bị cáo bị buộc thôi việc sau khi phạm tội, hiện không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H1 và bà Vũ Thị Y yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã nhận là 316.400.000đ, xác nhận bị cáo đã bồi thường cho ông H1, bà Y số tiền 43.000.000đ thông qua chị Vân A nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông H1, bà Y số tiền 273.400.000đ.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Thanh B 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1, bà Vũ Thị Y 316.400.000đ, xác nhận bị cáo đã bồi thường 43.000.000đ. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông H1, bà Y số tiền 273.400.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và

Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.670.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng

